

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HS – ST**
Ngày: 25-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Thạch – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST – HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Duy T - Sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1965; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 11-02-2015 bị Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 42 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo Bản án số 08/2015/HSST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 06-02-2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07-9-2009 bị Tòa án nhân dân huyện CD xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 28/2009/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03-12-2019 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Ông Lê Trọng N, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Duy A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường PN, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên Hoàng Duy T đã thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thị xã Phú Mỹ và huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 07-10-2019, Hoàng Duy T đi xe taxi của ông Nguyễn Văn T2 từ thành phố BR lên thị xã PM. Khi xe taxi của ông T2 đi đến khu phố P, phường MX, thị xã PM thì bị tổ Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu yêu cầu dừng xe để kiểm tra, sau đó ông T2 xuống xe để xuất trình giấy tờ cho tổ Cảnh sát giao thông kiểm tra. Lúc này, T ngồi trên xe một mình nên mở hộc tủ phía trước, bên phải của xe taxi tìm dây sạc điện thoại thì phát hiện trong hộc tủ có để một cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng, tổng trị giá 10.000.000 đồng nên T đã lén lút trộm cắp cọc tiền của ông T2 bỏ vào túi xách của T đang đeo trên người. Sau khi làm việc xong với tổ Cảnh sát giao thông, ông T2 quay lại xe tiếp tục chở T về khu phố P, phường MX, thị xã PM thì T thanh toán tiền cho ông T2 và xuống xe. Trên đường đi về lại thành phố BR, ông T2 mở hộc tủ phía trước của xe taxi để kiểm tra phát hiện bị mất số tiền 10.000.000 đồng nên đã đến Công an phường MX để trình báo vụ việc. Số tiền chiếm đoạt được T đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào sáng ngày 26-10-2019, Hoàng Duy T đến nhà ông Lê Trọng N chơi và nhậu cùng ông N, trong lúc nhậu do hết bia nên T hỏi mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter-2ND1 màu trắng-đen, biển số 72F1-538.06 của ông N để đi mua bia về nhậu tiếp và được ông N đồng ý. Khi T đang điều khiển xe đi mua bia thì có đối tượng tên L1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại cho T để đòi số tiền 5.000.000 đồng do T đã mua ma túy và thiếu nợ của L1 trước đó. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông N để gán nợ cho L1 nên T đã điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của L1 tại xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thỏa thuận, T đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô biển số 72F1-538.06 cho L1 với giá 7.000.000 đồng, T trả nợ cho L1 5.000.000 đồng, số tiền 2.000.000 đồng còn lại T đã mua ma túy của L1 để sử dụng. Sau khi cho mượn xe, ông N nhiều lần gọi điện thoại cho T nhưng không liên lạc được nên đã đến Công an xã C, huyện CĐ để trình báo vụ việc. Quá trình điều tra, Hoàng Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 180/HĐĐG ngày 21-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện CĐ kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter-2ND1 màu trắng-đen, biển số 72F1-538.06, trị giá 35.088.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter-2ND1 màu trắng-đen, biển số 72F1-538.06 do T cầm cố cho đối tượng tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện CD không thu hồi được.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng Hoàng Duy T trộm cắp của ông T2, do T đã tiêu xài hết nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã PM không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Hoàng Duy A (là anh ruột của T) đã tự nguyện bồi thường cho ông T2 số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ông T2 không có yêu cầu gì thêm.

Ông N yêu cầu T bồi thường số tiền 35.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 04-02-2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Hoàng Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã PM giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông N số tiền 35.000.000 đồng.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt, đồng ý bồi thường cho ông N số tiền 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án và tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 12 giờ ngày 07-10-2019, T thuê xe của ông Nguyễn Văn T2 chạy từ thành phố BR về thị xã PM. Lợi dụng lúc ông T2 xuống xe làm việc với tổ Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trên đoạn đường thuộc khu phố P, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 10.000.000 đồng của ông T2. Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đến sáng ngày 26-10-2019, tại thôn Đ, xã C, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, T mượn của ông N chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter – 2ND1 màu trắng – đen, biển số 72F1-538.06 để đi mua đồ, sau đó T chiếm đoạt chiếc xe của ông N đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy để sử dụng. Tại biên bản phiên họp định giá tài sản và kết luận định giá tài sản số 180/HĐĐG ngày 21-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện CD kết luận: chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter – 2ND1 màu trắng – đen, biển số 72F1-538.06 trị giá 35.088.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo xác định sau khi nhận được tài sản hợp pháp từ ông N mới nảy sinh mục đích chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích bất hợp pháp (mua ma túy), không có khả năng trả lại tài sản cho ông N. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên L1 là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 72F1-538.06 của bị cáo T, qua điều tra xác định L1 không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã PM không tiến hành làm việc được với L1 và không thu hồi được chiếc xe mô tô biển số 72F1-538.06.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Ngoài ra còn tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại để có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội cướp tài sản nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho ông Lê Trọng N số tiền 35.000.000 đồng.

Ông Hoàng Duy A không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 10.000.000 đồng do ông A bồi thường cho ông Nguyễn Văn T nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo T 01 (một) năm tù.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Duy T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Hoàng Duy T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hoàng Duy T về việc đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Lê Trọng N số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Duy T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Duy T phải nộp 1.750.000đ (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa

– Vụ Tầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND TX PM;
- Cơ quan CSĐT Công an TX PM;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX. PM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung